

Số: 14/2024/QĐST - HNGĐ

Như Xuân, ngày 26 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 112/2023/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vi Thị T** - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: **thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

Bị đơn: Anh **Lê Văn T1** - Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: **thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2024 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Vi Thị T** và anh **Lê Văn T1**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị **Vi Thị T** và anh **Lê Văn T1** đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh, chị kết hôn với nhau vào năm 2012, có giấy chứng nhận kết hôn do **UBND xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** cấp ngày 12/6/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống giữa chị **T** và anh **T1** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Dù đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa

giải nhiều lần nhưng tình cảm vẫn không thay đổi, vẫn sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị **Vi Thị T** và anh **Lê Văn T1** đều thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị **Vi Thị T** và anh **Lê Văn T1** đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh chị có với nhau 02 người con chung, là cháu: **Lê Thị Hà U** - Sinh ngày: 09/7/2013 và cháu **Lê Văn T2** - Sinh ngày: 20/01/2018. Các cháu khỏe mạnh bình thường, không ốm đau bệnh tật gì và hiện nay đang sống cùng anh **T1** tại **thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Chị **T**, anh **T1** và cháu **U** đều thống nhất: Giao cả 02 con chung, là cháu **Lê Thị Hà U** và cháu **Lê Văn T2** cho anh **Lê Văn T1** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chị **Vi Thị T** cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng/cháu), cho đến khi cháu **U** và cháu **T2** trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị **Vi Thị T** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này và chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và các nghĩa vụ chung*: Chị **Vi Thị T** và anh **Lê Văn T1** đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- *Về án phí*: Chị **Vi Thị T** và anh **Lê Văn T1** đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Chị **Vi Thị T** phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS- HNGĐ sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch (vì là người phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng). Tổng cộng chị **T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, nhưng hiện tại chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0016064, ngày 20 tháng 11 năm 2023. Như vậy chị **T** đã nộp đủ tiền án phí; Anh **Lê Văn T1** không phải chịu tiền án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Xuân;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

- Chi cục THA DS huyện Như Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Bình Lương, huyện Như Xuân;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Công Tuấn